TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

"Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1.bà Nguyễn Thị Liên;

2. bà Nguyễn Thị Hương.

Thư ký phiên tòa*:* bà Lê Thị Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Tống Thị T, sinh năm 1998.

Địachỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

2. *Bịđơn*: Anh Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1993.

Địachỉ: Thôn Tr, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Tống Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T ngày13/01/2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi, chửi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị và anh Tr đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh NguyễnHữuTr.

Về con chung*:* Chị T khai, vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Tống Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tống đạt hợp lệ, triệu tập anh NguyễnHữuTr đến Toà án để viết bản khai nhưng anh Tr không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do nên không có bản khai của anh Tr.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Tr là phù hợp với quy định tại Điều 56; Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Hữu Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh Tr không có mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh Tr cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh Tr là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Tống Thị T và anh Nguyễn Hữu Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi, chửi nhau. Kết quả xác minh ngày 06/5/2022 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H cũng cho thấy, quá trình chung sống giữa chị T và anh Trường xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã H, huyện H và sống ly thân với anh Tr cho đến nay. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Tr luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột dẫn đến vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ đời sống chung vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị T được ly hôn anh Tr là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T khai, vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về tài sản: Chị Tống Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Tống Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhânvà gia đìnhnăm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tống Thị T và anh Nguyễn HữuTr.

2. Về án phí: Chị Tống Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004285 ngày 04/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Tống Thị T và anh Nguyễn Hữu Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơinhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưuhồsơvụán

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**